



Người Sành Đưa Ma

(Sôshiki no meijin, 1923)

Nguyên tác: Kawabata Yasunari

Người Dịch: Nguyễn Nam Trân

Một

Từ hồi thơ bé tôi đã không một mái nhà và cũng chẳng có gia đình. Ngày nhà trường nghỉ dạy, phải về làng hay về xứ, tôi thường ghé ăn cơm nhờ, ở đậu nơi bà con. Tôi đã đi hết từ nhà người thân này sang nhà người thân nọ nhưng có thói quen là vào mấy dịp nghỉ như vậy, thường hay lui tới hai gia đình quen thuộc nhất. Hai ngôi nhà đều nằm cạnh sông Yodogawa, một ở bờ Nam, một bên bờ Bắc, thuộc vùng thôn làng xứ Kawachi và xứ Settsu. Tôi thường lấy đồ để qua lại hai bên. Đến đâu, tôi cũng được họ chào đón bằng câu "Về rồi đấy à?" (Okaeriyasu) chứ không phải là "Mới đến chơi à?" (Okoshiyasu).

Kỳ nghỉ hè năm tôi hăm hai tuổi, trong vòng chưa tới ba mươi ngày, tôi đã phải đưa ba đám ma. Mỗi lần như vậy, tôi đều mặc bộ lễ phục với áo khoác haori và quần váy hakama bằng lụa do người cha quá cố để lại, đi tất tabi trắng, tay cầm râu chuối hạt. Đầu tiên là đám tang ở một phân nhánh của gia đình Kawachi. Mẹ ruột của người đứng đầu chi tộc ấy đã qua đời. Bà cụ này là người cao tuổi vì có đến ba mươi đứa cháu nội ngoại, đã lâm bệnh từ lâu và được chăm sóc tận tình cũng như chạy chữa hết cách nên có thể nói là lúc cụ vắng sinh cực lạc, trong nhà không còn gì để hối tiếc. Tôi chỉ cảm thấy nỗi buồn mất mát khi nhìn cái dáng ủ rũ của ông trưởng tộc và đôi má nhợt nhạt của đám cháu nội ngoại. Thế nhưng nó không phải là tình cảm ai điều trực tiếp phát sinh ra từ sự tiếc thương người quá cố. Dù tôi có thấp nhang cho người chết nhưng khuôn mặt nằm trong áo quan kia hoàn toàn xa lạ đối với tôi. Ngay sự hiện hữu của một nhân vật như bà cụ, thường ngày tôi cũng không để ý.

Trước giờ di quan, trong bộ lễ phục với râu chuối hạt và cây quạt trên tay, tôi được người anh họ từ Settsu tới viếng tang dẫn đi chào để chia buồn với gia chủ. Tuy tôi còn trẻ nhưng so với người anh họ ấy thì nhất cử nhất động của tôi đều trầm tĩnh và đúng nghi thức hơn nhiều. Tôi làm xong nhiệm vụ ấy một cách dễ dàng. Người anh họ có hơi ngạc nhiên nên đã nhìn theo động tác của tôi mà bất chước. Là người thuộc dòng chính (honke), tôi không bắt buộc phải bày ra một bộ mặt u ám trước năm sáu người anh em họ của gia chủ đang tụ tập nơi đó.

Khoảng một tuần sau, khi đang ở Kawachi thì tôi nhận được điện thoại của người anh họ từ Settsu [1]. Lần này chỉ là đám tang ở một chi trong gia đình mà người chị họ tôi về làm dâu nhưng anh vẫn dặn dò tôi: "*Thế nào chú cũng phải đến đấy nghe!*". Lý do là hình như lúc gia đình tôi có tang, người trong gia đình kia cũng từng đến phúng viếng. Tôi đi theo đoàn của người anh họ ở Settsu nhưng khi đến nơi thì ngoài tang chủ, tôi không biết ai là họ là hàng. Ngay cả người chết, có lẽ tôi cũng không biết nốt. Nhà người chị họ được dùng làm chỗ để nghỉ ngơi cho người đến dự cuộc họp táng (gassô) [2] nhưng thân quyến phía chồng bà lại có được một chỗ tụ tập riêng. Nơi đó tôi không thấy ai nói chuyện về người vừa nằm xuống. Họ chỉ than vãn là trời nóng và chờ giờ di quan. Đôi khi lại có một ai đó đặt câu hỏi xem người chết là ai và năm nay mấy tuổi nữa. Còn tôi thì chỉ ngồi tiếp tục ván cờ Go và chờ cái giờ ấy.

Sau đó, một lần nữa, ông anh họ ở Settsu lại điện thoại cho tôi ở nhà ông anh Kawachi. Lần này ông nhờ tôi thay mặt đến dự đám tang một người bà con cực kỳ xa thuộc gia đình bên chồng của bà chị họ. Khổ nỗi, tên người nhà có tang, tên làng xóm ông ấy ở cũng như nơi đặt mộ thì ngay ông anh họ này cũng không rõ. Bỗng nhiên giữa câu chuyện, ông thốt ra một câu nói đùa:

- Chú là "tay đưa ma giỏi số một" đấy!

Tôi chột im bật. Mất tôi lúc đó đổi sắc như thế nào thì vì đang nói chuyện qua điện thoại, ông không thể biết được. Tôi mới bảo là tôi vừa đi đám tang ba nơi xong đấy. Vợ ông anh họ trong căn nhà tôi đang ở mới cười ngao ngán và bảo sao mà chú giống như "dân nhà đòn" (sôshikiya) vậy. Vừa khâu vác, bà vừa ngắm nghía khuôn mặt của tôi. Buổi tối hôm đó, vì phải sang ngủ bên nhà ông anh họ ở Settsu để sáng sau còn từ đó mà đi, tôi đã lấy đồ qua sông Yodogawa.

Lời bông đùa bảo tôi là "tay đưa ma giỏi số một" của ông anh họ xứ Settsu khi nói chuyện với tôi đã khiến tôi nhìn lại bản thân mình. Tôi thấy câu nói của anh sao mà đúng y cảnh ngộ và quá khứ của tôi đến thế. Thực

vậy, từ hồi còn nhỏ, tôi đã dự không biết bao nhiêu đám ma. Tôi đã rành rẽ mọi tập quán tang lễ của người dân vùng Settsu. Một phần vì tôi thường xuyên chứng kiến cái chết của những người thân. Phần khác vì tôi đã phải đại diện gia đình đi dự những buổi lễ hợp táng phiến hà của các làng vùng nông thôn. Nhiều nhất là các buổi lễ tang tổ chức theo nghi thức Tịnh Độ Tông và Chân Tông nhưng cũng có những buổi lễ kiểu Thiên Tông và Nhật Liên Tông nữa.

Chỉ dựa vào ký ức mà thôi thì tôi đã chứng kiến cảnh lâm chung của người ta được năm sáu lần rồi. Tôi nhớ đã ba bốn bận có dịp làm nhân vật đầu tiên cầm bút chấm nước cho ướt môi trong nghi thức tiễn đưa người sắp lìa đời. Tôi đã từng có kinh nghiệm làm kẻ mở đầu và kết thúc các buổi lễ thấp nhang. Ngay cả chuyện hốt cốt hay nạp cốt vào hũ tro, đôi khi tôi cũng đã từng làm. Tôi lại biết rõ tập quán tổ chức các tuần thất sau khi người chết được chôn cất nữa.

Tôi đều không biết mặt mũi ba người chết mà tôi đã đi dự tang lễ trong mùa hè năm đó. Tôi không cảm thấy một cách trực tiếp nỗi buồn đến từ những cái chết đó. Chỉ có khi thấp nhang ngoài mộ là tôi phải dẹp sạch khỏi đầu mình mọi tạp niệm để có thể lặng lẽ khấn khứa cho cố nhân được siêu sinh. Dù tôi nhận ra rằng trong đám người trẻ, không thiếu chi những kẻ để thõng tay và chỉ cúi đầu khi dâng hương, tôi đã chấp nguyên hai tay. Tôi cũng nghĩ rằng thái độ của tôi còn kính cẩn với người chết hơn cả một số người đến dự hợp táng mà không mấy gần gũi với người chết. Nếu tôi đã làm được như thế là vì khi bị kích thích bởi cảnh tượng tang lễ đang xảy ra, tôi có thể hồi tưởng lại lúc những người thân của tôi còn sống hay lúc họ sắp phải ra đi. Ngược lại, nhờ có khả năng hồi tưởng ấy mà tâm hồn của tôi đã trở nên phẳng lặng một cách tự nhiên. Thế rồi, chỉ khi dự đám tang những người mình không quen bao lâu lúc sinh tiền, tôi mới có tình cảm như đang đưa dòng ký ức cùng theo mình đến nghĩa trang, vừa chấp hai tay chào cái ký ức ấy vừa thấp hương hành lễ. Chính vì lý do đó mà một thiếu niên như tôi đã có được thái độ phù hợp với tình huống ở đám tang những người tôi chưa từng gặp cũng như chưa bao giờ quen biết. Thái độ đó không có gì gọi là giả tạo. Những buổi lễ như thế chỉ giúp tôi cơ hội để bày tỏ nỗi buồn mình đang chất chứa trong tim.

Hai

Tôi không giữ lại ký ức nào về đám tang của bố mẹ mình. Ngay kỷ niệm lúc ông bà còn sống tôi cũng không nhớ. Người chung quanh hay căn dặn tôi đừng quên bố mẹ nhé hay cứ bảo tôi hãy cố nhớ lại những chuyện xưa nhưng dù có muốn tôi cũng không tài nào. Khi nhìn mấy tấm ảnh thì cái hiện ra trước mắt tôi là một hình ảnh trung gian mơ hồ, không phải là tranh vẽ mà cũng chẳng phải là người sống, tuy không phải ruột thịt nhưng cũng không giống người dung.

Nó chỉ đem đến cho tôi một cảm giác bức bách và làm như khi đem ra đối chiếu hai bên thì cả bức ảnh và tôi đều phải cảm thấy xấu hổ. Mỗi khi được người khác kể chuyện về cha mẹ mình, tôi lúng túng không biết nên nghe lời họ với một tâm tình như thế nào và chỉ mong sao câu chuyện sẽ kết thúc chóng vánh. Ngày qua đời cũng như tuổi thọ của bố mẹ, tôi cũng quên đi một cách dễ dàng như kiểu người ta quên con số ghi trên biển xe hơi hay xe điện. Bà bác kể cho tôi nghe rằng trong đám tang của bố, tôi đã khóc lóc, ngang ngược đòi không được đánh chiêng trên bàn Phật, đòi tắt ngọn đèn thờ cũng như đòi đổ hết dầu đựng trong cái bình đất ra ngoài sân. Không hiểu sao chỉ có mấy câu chuyện như thế là tôi còn giữ lại ấn tượng.

Ông nội tôi cũng từng lên Edo nhưng cha tôi mới là người đã tốt nghiệp trường Y Tôkyô. Pho tượng đồng của thầy hiệu trưởng ngôi trường đó hãy còn nằm ở ngôi đền Tenjin [3] trong khu Yushima. Hồi tôi lên Tôkyô lần đầu, khi được người ta dẫn đến dâng trước pho tượng và giới thiệu về nó, tôi đã có một cảm giác là lạ. Đúng là việc ngắm nhìn pho tượng đồng kia và cảm thấy đó như một sự sống chưa hoàn thành đã khiến tôi hổ thẹn về mình.

Đám tang bà nội tôi được cử hành năm tôi vào tiểu học. Bà đã chung sức với ông nội để nuôi dưỡng tôi, đưa cháu sức khỏe ề ụt. Lúc cháu nội vào được trường tiểu học, chắc bà cảm thấy mình vừa trút bớt gánh nặng nên đã ra đi nhẹ nhàng. Hôm tang lễ của bà trời mưa rất lớn và anh giúp việc trong nhà tôi đã cõng tôi ra ngoài mộ. Cô chị tôi lúc đó tuổi độ mười một mười hai mặc áo tang trắng toát cũng được một người đàn ông dìu đi đằng trước và đang leo lên con đường núi đầy đất đỏ.

Bà nội mất đi, lần đầu tiên tôi mới có một tình cảm sống động về cái bàn thờ Phật nằm trong ngôi nhà của mình. Tôi chọn giờ nào gian thờ Phật luôn đóng kín mít ấy không có bóng ông nội là từ bên ngoài tôi sẽ đến

đó để chơi cái trò mở hé hé cánh cửa, đóng lại rồi mở ra lần nữa mà không bao giờ biết chán, chỉ với mục đích dòm trộm ngọn đèn thấp sáng trên bàn Phật. Tuy nhiên tôi nhớ rằng mình lại ghét việc đẩy toang cánh cửa ấy để nhìn sâu vào trong phòng. Mỗi lần ngẩng đầu nhìn mặt trời từ già đất bằng để chỉ còn nhuộm một thứ ánh sáng lạng lẽ bên trên những đỉnh núi và ngọn đèo phía Tây thì không hiểu vì sao, trong lòng đứa trẻ mới lên tám là tôi, lại liên tưởng đến màu sắc của ánh sáng ngọn đèn trên bàn Phật. Tôi nhớ là trên cánh cửa trượt màu trắng của gian thờ Phật, tôi đã viết nguệch ngoạc cái pháp danh dài ngoằng của bà tôi bằng thứ chữ katakana hãy còn vụng về của một đứa trẻ mới học lớp vỡ lòng trường tiểu học. Mấy hàng chữ ấy hãy còn y nguyên ở đó cho đến ngày gia đình tôi bán nhà.

Trong những năm về sau, điều duy nhất còn nổi lên trong ký ức mơ hồ của tôi chỉ là màu trắng chiếc áo tang của người chị đang được một anh đàn ông địu trên lưng. Khi tôi nhắm mắt lại, cổ ghi màu áo trắng ấy vào trong đầu óc và tứ chi thì con đường đất đỏ và màn mưa đã dần dần hiện rõ ra làm cho dòng hồi tưởng của tôi về trở nên nhòa nhạt. Tôi không còn thấy những gì người đàn ông kia đang địu trên lưng nữa. Thế rồi tất cả ký ức của tôi liên quan đến chị mình chỉ còn là một vật trắng trắng đang phát phơ giữa quãng trời đất đầy thoi.

Năm tôi lên bốn lên năm thì chị được giao cho một gia đình khác nuôi rồi đã qua đời năm tôi mười một, mười hai tuổi. Cũng như chưa bao giờ biết đến tình thương của cha mẹ, tôi cũng không biết đến tình thương của chị tôi. Bao lần ông nội đã bắt tôi phải bày tỏ sự đau đớn khi chị mất và tôi tự dò hỏi xem lòng mình thế nào nhưng đã lạc trong một mê cung. Tôi không biết phải dựa vào một vật gì khả dĩ gọi cho mình một tình cảm buồn khổ. Duy mỗi hình ảnh già yếu và hết sức bi đát của ông nội là một mũi kim xuyên thấu lòng tôi. Thế nhưng tình cảm của tôi chỉ tiến đến được ông tôi và ngừng lại ở đó chứ không thể vượt qua ông để sau đó tiến về phía chị. Ông nội tôi là người tinh thông dịch lý, giỏi việc bói toán. Cuối đời vì bệnh đau mắt, ông hầu như mù. Nghe tin chị tôi đang hấp hối, ông chỉ lặng lẽ ngồi đếm mấy cái thẻ tre dùng để bói, thử xem vận số đứa cháu sẽ như thế nào. Tôi đã chăm chú nhìn cảnh tượng một ông già suy thị lực bày những thẻ tre còn khuôn mặt mỗi lúc một chìm vào bóng tối. Thế rồi vài ba hôm sau, thấy rằng không thể dấu ông lá thư báo tin người chị qua đời mà mình đã nhận được từ hai ba tiếng trước, tôi đã quyết định đọc nó cho ông nghe. Thời đó, tôi đã có thể đọc được mặt chữ Hán thông thường nhưng gặp phải lối viết thảo thì tôi còn chưa đọc được nên đã cầm lấy tay ông rồi dùng ngón tay trỏ của mình viết đi viết lại vào trong gang bàn tay ông và học ông cách đọc. Nhớ lại cảm xúc khi cầm tay ông để viết lên trên, đến bây giờ bàn tay trái của tôi hãy còn thấy gai lạnh.

Đêm phát đại tang Hoàng thái hậu Shôken [4], ông nội tôi qua đời. Đó là mùa hè năm tôi mười sáu tuổi. Trước khi ông tôi trút hơi thở cuối cùng, đờm rãi đã nghẹn cả khí quản nên ông đưa tay cào cấu lồng ngực trông rất khổ sở. Một cụ bà đang ngồi cạnh giường bệnh mới than rằng một người đạo hạnh như Thần Phật thế này, tại sao lúc vắng sanh lại phải đau đớn đến ngàn ấy. Vì không thể điềm nhiên ngồi nhìn cảnh tượng đó nên chưa đầy một giờ đồng hồ, tôi đã bỏ trốn qua phòng khác. Một năm sau, có lần một bà chị họ đã trách tôi – giọt máu duy nhất của ông – tại sao lại có thái độ bạc bẽo đến thế. Tôi đã giữ im lặng. Tôi thầm nghĩ nếu chị ấy suy xét như vậy chắc cũng không sai. Từ khi còn là một thiếu niên, tôi đã không bao giờ thích viện một lý do nào đó để tự bào chữa. Hơn nữa, nhận xét của bà cụ kia đã làm cho tôi quá xót xa nên chỉ có thể giải thích hành động bỏ chỗ đang ngồi phía đầu người sắp chết nằm và phóng ra ngoài của tôi giống như một cách rũ sạch những nỗi hổ thẹn của ông tôi. Thế rồi, khi đang giữ thái độ im lìm trước câu nói trách móc của bà chị họ, tôi cảm thấy có một nỗi buồn bao la đột ngột kéo đến và thấm sâu trong lòng mình. Tôi liền chụp lấy gấu áo và đi lên mũi rồi cứ để nguyên chân đất phóng ra ngoài và chạy bên trên những phiến đá lát ngoài vườn. Đến một chỗ khuất dưới bóng cây, thấy không có ai, tôi bèn ngồi xuống một tảng đá lớn chiều cao độ một mét và đợi cho máu cam ngừng tuôn.

Giữa khe hở của tàng lá một cây sồi cổ thụ, nhìn lên tôi thấy những tia nắng chiếu lấp lánh trong những mảng trời xanh nho nhỏ. Có thể nói đây là lần đầu tiên trong đời tôi đã đổ máu cam nhiều như vậy. Tôi mới biết những giọt máu cam này đã đổ ra vì nỗi đau đớn trong lòng tôi kể từ ngày ông tôi qua đời. Tang gia đang ở trong cảnh bối rối và người nhà duy nhất là tôi đã phải ứng đối với không biết bao nhiêu khách đến viếng để cho tang lễ được hoàn hảo. Phải nói là tôi rất bận rộn, không một phút nghỉ ngơi. Cho đến lúc đó, tôi chưa bao giờ có cơ hội ngồi suy nghĩ một cách tĩnh táo về cái chết của ông nội tôi cũng như những gì xảy ra cho bản thân sau đó. Tôi không nghĩ mình là một người bạc nhược. Chỉ vì máu cam quá nhiều đã khiến tôi trở nên kiệt lực. Tôi đã chạy ra ngoài như trong cơn mê chỉ vì tôi không muốn phô bày trước mặt mọi người dáng vẻ yếu ớt của tôi. Trước giờ động quan mà tang chủ là tôi lại ở trong một tình trạng như vậy thì không những làm phiền mọi người mà còn gây ra xáo trộn nữa.

Mãi ba hôm sau ngày tang lễ của ông nội, ngồi trên tảng đá trong vườn, lần đầu tiên tôi mới có đôi chút thời giờ yên tĩnh cho riêng mình. Lúc ấy trong lòng tôi bỗng dậy lên một tình cảm bàng bạc, mơ hồ là kể từ hôm nay, tôi chỉ còn có một mình. Sáng hôm sau, tôi đã cùng với thân quyến và năm bảy người làng cùng đi nhật tro cốt của ông. Chỗ thiêu xác trên núi không có mái che. Khi đào và bới tro lên, vẫn còn nguyên một vạt lửa nằm bên dưới. Trong một đống, tôi vừa chịu đựng hơi nóng hắt lên vừa nhật cốt, nhưng lúc đó máu mũi tôi lại trào ra lần nữa. Tôi bèn vớt mấy thanh tre dùng để gắp, nói với người ta một hai câu gì đó rồi cõng cái thất lưng bằng vải, lấy đầu mút của nó chặn trên mũi và tất tả leo lên sườn núi như đang bị ma đuổi. Tôi chạy lên được tới đỉnh.

Khác với hôm qua, tôi làm cách gì máu cũng không chịu cầm. Hơn phân nửa chiều dài giây thất lưng và bàn tay tôi đã bê bết máu. Máu nhỏ xuống lá cỏ thành từng giọt. Khi ngửa mặt lên nằm yên lặng, mắt tôi có thể nhìn thấy một cái hồ phía dưới chân núi. Tôi có cảm tưởng ánh mặt trời phản chiếu từ nước hồ đã khiến cho mắt tôi lòa đi. Tôi thấy mình như mất hết thị lực. Chừng ba mươi phút sau, tôi nghe có tiếng ơ ơ của một đám người đang cùng nhau gọi tên tôi không biết bao nhiêu lần. Cái thất lưng màu đen tuy không để lộ cho ai thấy đã đầm đìa máu, nhưng tôi nghĩ đến lúc phải trở lại lò thiêu. Mọi cặp mắt đều đổ dồn vào tôi ra chiều trách móc. Họ cho biết đã tìm thấy cốt của ông cụ nên bảo tôi hãy đến hết đi. Trong lúc bươi những mảnh xương nhỏ đó, lòng tôi chợt buồn rười rượi. Tôi vẫn quán quan người cái thất lưng trước đây ẩm ướt nhưng giờ đã khô đi và săn lại. Chuyện tôi hai lần bị đổ máu cam rồi cuộc chẳng có ai hay biết và sau đó, tôi quyết định sẽ không bao giờ thổ lộ nó cho ai. Việc khui chuyện người thân ra kể cho thiên hạ, hay là đi thăm dò qua người khác về họ thì cho đến nay, tôi vẫn chưa làm một lần nào.

Nơi tôi được nuôi dạy là một vùng nông thôn cách xa đô thị. Nếu tỏ ra khoe khoang một chút thì có thể nói là năm mươi nóc gia tức là toàn thể người làng đều đã đến khóc thương, chia buồn cùng tôi. Khi linh cữu đi ngang qua làng, họ đều ra trước mỗi ngã tư và các bà đã đứng khóc trước mặt tôi, người vốn đang dẫn đầu đám tang. Những tiếng than vãn "*Có tội nghiệp chưa! Có tội nghiệp chưa!*" vang lên liên tục. Tôi cảm thấy tủi hổ và người như cứng lại. Đến một ngã tư nơi tôi vừa đi qua, đã thấy đám đàn bà con gái đi vòng ra đằng trước để đến ngã tư kế tiếp và lại tiếp tục khóc lóc ỉ ôi. Từ thuở bé tôi đã cố tình nghĩ rằng sự đồng tình của người chung quanh chỉ là hình ảnh của lòng thương hại nên tôi chỉ xin phép họ nhận có phân nửa vì xem đó như sự ưu ái chứ vẫn kiêu hãnh từ khước cái phân nửa còn lại.

Sau đám tang của ông nội tôi, hãy còn có đám tang người em gái của ông, đám tang ông bác tôi, đám tang thầy học tôi cũng như những người thân yêu khác và tất cả đã làm tôi buồn. Nói về bộ lễ phục cha tôi để lại thì tôi chỉ sử dụng một lần trong một dịp vui mừng, đó là hôm đám cưới ông anh họ, kỳ dư tôi đã mặc nó không biết bao nhiêu lần trong các đám tang hay lúc phải ra ngoài nghĩa trang. Rồi cuộc, tôi đã trở thành một "*tay đưa đám ma lành nghề*".

Ba

Đám tang thứ ba trong kỳ nghỉ hè năm nay nằm ở thôn bên cạnh, cách nhà bà chị họ của tôi khoảng mười hai mươi ba khu nhà ở. Tôi đi đám ma mà làm như đang ghé đến chơi nhà bà chị họ. Tôi đã ngủ lại đó một đêm. Khi ra về, tôi vừa cười vừa nói đùa với người nhà của chị rằng:

- Kiểu này có lẽ tôi sẽ trở lại đây lần nữa cũng không biết chừng. Đợi đấy! Có một cô bị bệnh phổi không biết có qua khỏi mùa hè này không?
- Nếu "chuyên viên tang lễ" không đến thì chúng tôi khó lòng tổ chức đám tang!

Tôi bèn gói áo haori, quần váy hakama vào trong tay nải và trở về ngôi nhà ông anh họ ở Settsu. Cô em họ đang đứng ở ngoài sân. Cô ta cười nói vui vẻ.

- "Ông nhà đòn" về rồi đấy à?
- Thôi, đừng nói bậy nào! Em kiếm muối đem tới đây cho anh!
- Muối à? Để làm gì?
- Thì để tẩy uế chớ làm gì?
- Không thôi, anh không vào nhà đâu!
- Cái anh này! Bị tâm thần hay sao ấy nhỉ?

Cô em họ đã đem tới một vốc muối, vung lên cao, rắc khắp người tôi.

- Như vậy đã được chưa nào?

Cô lại đem cái áo kimono hơi rịn mồ hôi mà tôi vừa cởi ra phơi trên hàng hiên nơi có nhiều nắng cho khô mau. Thấy cô ngừ ngừ, mảy hơi nhú lại và sau đó, làm như nhớ lại câu đùa hồi nãy, mới nói như reo:

- Ái chà! Áo của anh có mùi nghĩa địa kia kìa!
- Nói năng xúi quẩy! Làm gì có mùi gọi là mùi nghĩa địa!

Cô em họ vẫn còn cười:

- Em biết mùi ấy mà. Cái mùi khét như tóc cháy đó.

Dịch ngày 31/3/2023

Xuất xứ:

Sôshiki no Meijin, đã đăng trên số Tạp chí Bungei Shunjuu (Văn Nghệ Xuân Thu) số tháng 5 năm 1923.

Nguyên tác Nhật ngữ: Toàn Tập Kawabata Yasunari, quyển 2/35, Nxb Shinchô, Tôkyô, 1980 (trang 73-81).

Bên lề tác phẩm:

Đoản thiên này thường được đọc giả trong nước biết đến với nhan đề "Bạc thầy của tang lễ" nhưng chúng tôi chưa thấy ai dịch ra Việt ngữ. Nếu quả như vậy thì mong rằng bản dịch này sẽ đóng góp một phần nào vào sự tìm hiểu về "dòng văn học xuất phát từ cái chết" của Kawabata. Cùng lúc, ta có thể đọc song song với truyện trong lòng bàn tay "Hốt cốt" (Kotsu-hiroi) cũng như hồi ức nhan đề "Nhật ký năm 16 tuổi" (Juurokusai no nikki).

[1] - Kawachi là tên một cựu phiên trấn nay thuộc về phía Đông Ôsaka, còn Settsu là tên một cựu phiên trấn nay thuộc đoạn giữa của Ôsaka, một phần lấn sang Kobe (Hyogo).

[2] - Gassô (hợp táng) là tục lệ để tro của ít nhất hai người, phần nhiều là người nhà, vào trong một ngôi mộ.

[3] - Tenjin (Thiên Thần), Đền thờ vị thần tượng trưng cho văn chương, thi cử là Sugawara Michizane.

[4] - Chiêu Kiến Hoàng Thái Hậu (1850-1914), vợ cả của Thiên hoàng Minh Trị. Xem thêm "Nhật ký năm 16 tuổi" nhưng không phải mẹ đẻ Thiên hoàng Đại Chính, người vừa lên kế vị.